

THE ROLE OF CULTURE IN ESTABLISHMENT AND IMPLEMENTATION OF ETHNIC MINORITY RESETTLEMENT AND DEVELOPMENT PLAN AT SONG BUNG 4 HYDROPOWER

Dang Minh Ngoc

Institute of Anthropology

Email: dmingoc@gmail.com

Received: 04/10/2023; Reviewed: 19/10/2023; Revised: 23/10/2023; Accepted: 03/11/2023; Released: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/233>

For hydropower resettlement projects, a question that is always of concern to policy makers is how to help people have a life equal to or better than their old place of residence. How to turn cultural resources into a driving force for development for resettlement projects. How to include the culture of affected people in the process of planning and implementing resettlement plans to help them become subjects in the planning and implementation of hydropower resettlement projects as well as plan to restore livelihoods instead of relying solely on material resources or imposing will from outside the community.

Keywords: *The role of culture; Resettlement plans; Development of ethnic minorities; Song Bung 4 Hydropower Plant.*

1. Đặt vấn đề

Văn hóa tộc người là thành tố quan trọng trong văn hóa của một quốc gia đa dân tộc, góp phần tạo nên bản sắc của chính quốc gia đó. Trong hướng phát triển bền vững của đất nước, văn hóa có vai trò như một trụ cột rất quan trọng, cùng với các trụ cột kinh tế, môi trường và xã hội. Đa số các dự án lập, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế thường tập trung xem xét những thuận lợi hay khó khăn về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng, khả năng tiếp cận thị trường và vốn mà bỏ qua yếu tố văn hóa. Các yếu tố văn hóa tộc người trong báo cáo này gồm văn hóa tinh thần (bao gồm các phong tục tập quán), văn hóa xã hội (bao gồm các mối quan hệ xã hội và các thiết chế xã hội và văn hóa mưu sinh).

Thực tế, ở thủy điện Sông Bung 4 cho thấy văn hóa có vai trò quan trọng trong quá trình lập, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế đối với người Cơ-tu bị ảnh hưởng bởi dự án tái định cư. Dự án tái định cư thủy điện Sông Bung 4 đã đáp ứng được phần nào sự mong đợi của người dân Cơ-tu tái định cư. Ở đây tinh hoa văn hóa của người Cơ-tu đã được vận dụng đưa vào quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển dân tộc thiểu số (DTTS) của thủy điện Sông Bung 4. Trong quá trình xây dựng kế hoạch tái định cư, tính đa dạng văn hóa của người Cơ-tu và tinh thần đối thoại của người Cơ-tu đã được tôn trọng. Trong quá trình thực hiện kế hoạch tái định cư, văn hóa của người Cơ-tu đã được đặt vào vị trí như là nguồn lực

của sự phát triển.

Dự án thủy điện Sông Bung 4 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 465/TTg-CN ngày 21/04/2005, với tổng mức đầu tư 5.457,70 tỷ đồng. Trong đó, phần kinh phí dành cho bồi thường hỗ trợ tái định cư là 1.224,80 tỷ đồng. Thủy điện Sông Bung 4 được xây dựng đồng nghĩa với việc người Cơ-tu ở 4 thôn của xã Zuôi và xã Tà Pơ bắt đầu phải di cư vào năm 2010, bao gồm Thôn 2, PaDhy, Pa Rum A và Pa Rum B (hiện nay thôn Pa Rum A và thôn Pa Rum B sát nhập thành thôn Pa Rum). Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước trong việc ổn định đời sống cho các hộ dân bị giải tỏa khi xây dựng nhà máy thủy điện Sông Bung 4, Tổng công ty điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn điện lực Việt Nam) phối hợp với Ủy ban Nhân dân (UBND) huyện Nam Giang đầu tư xây dựng 04 khu tái định cư tập trung. Công tác tái định cư được hoàn thành vào năm 2013 với tổng số hộ tái định cư tập trung và bị ảnh hưởng là 280 hộ/1.188 nhân khẩu, trong đó hộ tái định cư chuyển đến là 253 hộ/1.041 khẩu (tái định cư tập trung 232 hộ/963 khẩu, di chuyển tự nguyện 21 hộ/ 78 khẩu) và 27 hộ bị ảnh hưởng với 147 khẩu.

Khu tái định cư tập trung của xã Tà Pơ nằm cách trung tâm xã 30 Km và trung tâm huyện 50 Km về phía Tây. Khu tái định cư tập trung xã Zuôi nằm cách trung tâm huyện 58 Km theo hướng Tây Bắc. Cơ sở hạ tầng thiết yếu ở các khu tái định cư được xây dựng khá đồng bộ. Kết quả thống kê năm 2017

cho thấy tổng số dân tái định cư được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 175 hộ chiếm 61,9% được sử dụng điện lưới quốc gia và các dịch vụ phúc lợi khác là 280 hộ chiếm 100%, có 10 công trình thủy lợi tưới 24,85 ha; 05 công trình nước sạch, mạng lưới giao thông dài tổng cộng 21,84 Km. Các dịch vụ y tế, giáo dục, điểm sinh hoạt văn hóa cộng đồng được đầu tư xây dựng với 05 công trình nhà mẫu giáo, 05 công trình trường tiểu học và trung học cơ sở, 05 công trình nhà văn hóa, 02 trạm y tế đang hoạt động. Tỷ lệ trẻ em tiêm vắc xin đạt trên 70%, tỷ lệ trẻ em đến trường đạt 98%, tỷ lệ phổ cập giáo dục là 98%, tỷ lệ người dân biết chữ khoảng 70%. Trong tổng số 317 hộ/1.260 khẩu khu tái định cư thì có 660 lao động, trong đó chưa có lao động nào được đào tạo nghề. Tỷ lệ hộ nghèo của khu tái định cư chiếm hơn 55%, thu nhập bình quân đầu người là 9,31 triệu đồng/người/năm (UBND huyện Nam Giang, 2017).

Trước khi tái định cư, người Cơ-tu ở các thôn này sinh sống ở thung lũng ven sông Bung 4 với các hoạt động sinh kế như trồng trọt, chăn nuôi, khai thác tự nhiên,... Trong đó, canh tác nương rẫy là hoạt động sinh kế chủ đạo. Sau tái định cư, mặc dù các hoạt động sinh kế phi nông nghiệp như trao đổi, buôn bán, làm thuê, dịch vụ bảo vệ rừng đã xuất hiện và tăng cường nhưng sản xuất nông nghiệp vẫn đem lại nguồn thu nhập chính cho các hộ gia đình. Xã Zuôi hiện nay có 369 hộ gia đình bao gồm 366 hộ người Cơ-tu và 3 hộ gia đình người Kinh. Tổng dân số của xã là 1334 người, trong đó bao gồm 1318 người Cơ-tu và 16 người Kinh. Tỷ lệ hộ nghèo của xã là 49,32% (UBND xã Zuôi, 2017).

Để có thể thực hiện được kế hoạch tái định cư với những kết quả đã đề cập như ở trên chúng ta có thể thấy quá trình lập, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế (REMDP-Resettlement and Ethnic minority Development Plan) đã được bắt đầu xây dựng từ năm 2006, sau đó được cập nhật, thực hiện và hoàn thành vào năm 2013. Kế hoạch tái định cư này đã được sự tài trợ của Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Quỹ hỗ trợ Phát triển Nhật Bản (JFPR), SWECO International và tổ chức Co-operative Housing Foundation of Canada (CHF) là hai tổ chức tiên hành lập, thực hiện kế hoạch tái định cư (Resettlement and Ethnic Minorities Development Plan-REMDP) và dự án “Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng dân tộc thiểu số dễ bị tổn thương do ảnh hưởng của Dự án Thủy điện Sông Bung 4”.

2. Tổng quan nghiên cứu

Vấn đề văn hóa của người Cơ-tu đã được nhiều

nhà khoa học quan tâm nghiên cứu, trong đó có thể kể đến một số công trình như: Trong cuốn sách “Luật tục của người Tà-ôi, Cơ-tu, Bru-Vân kiều ở Quảng Trị, Thừa Thiên Huế” (Mạnh, Hồng & Thông, 2001) các tác giả đã nghiên cứu về Luật tục của người Cơ-tu trong đó có vấn đề liên quan đến văn hóa của họ trong việc khai thác và bảo vệ nguồn tài nguyên. Trong cuốn “Rừng thiêng, cảnh quan, sinh kế và tâm linh của người Katu ở Việt Nam” (Arhem, 2009) đã chỉ ra phần lớn các hoạt động văn hóa mưu sinh truyền thống của người Cơ-tu đều gắn với rừng. Tác giả cho rằng người Cơ-tu là những người thạo săn bắt, đánh cá và canh tác nương rẫy. Họ có sự hiểu biết sâu sắc về rừng, coi rừng là một trong những nguồn văn hóa mưu sinh chính nên họ có những phong tục tập quán, nghi lễ và tín ngưỡng tôn trọng rừng và sống hài hòa với thiên nhiên với niềm tin “vạn vật hữu linh”. Trong cuốn “Tìm hiểu văn hóa Katu” (Đức, 2002), “Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu” (Hùng, 2006) các tác giả đã nghiên cứu về người Cơ-tu là cư dân sinh sống dọc vùng Trường Sơn - Tây Nguyên, họ có văn hóa mưu sinh gắn với rừng. Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu về vai trò văn hóa của người Cơ-tu trong việc lập, xây dựng, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế ở các dự án thủy điện thì chưa có nghiên cứu nào đề cập đến.

3. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu điền dã tại thực địa là chủ đạo, tác giả đã tiến hành ba đợt khảo sát. Đợt 1 vào năm 2006 là thời điểm người Cơ-tu ở xã Zuôi vẫn ở thôn cũ và chưa tái định cư; đợt 2 vào năm 2010-2011 là thời điểm người Cơ-tu bắt đầu quá trình di chuyển lên khu tái định cư mới và đợt 3 năm 2017 là thời điểm người Cơ-tu đã có cuộc sống ổn định ở khu tái định cư mới. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng phương pháp tổng hợp các công trình nghiên cứu khoa học về người Cơ-tu đã được xuất bản, phân tích tài liệu thứ cấp, phân tích số liệu, phương pháp so sánh cho nghiên cứu này để kết quả nghiên cứu mang tính khách quan và khoa học.

4. Kết quả nghiên cứu

Năm 2006, tôi được mời tham gia dự án xây dựng kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS (REMDP) ở giai đoạn tiền khả thi cho dự án thủy điện Sông Bung 4. Đây là dự án do ADB tài trợ và công ty SWECO International là công ty thực hiện. Năm 2011-2012, tôi được mời tham gia dự án “Cải thiện sinh kế cho các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Sông Bung 4” (Norman Tilos, 2016, tr.14). Đây là dự án cập nhật kế hoạch tái định cư (REMDP) và phục hồi sinh kế cho người dân

bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Sông Bung 4 do Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) và Quỹ Phát triển Nhật Bản (JFPR) tài trợ, tổ chức Co-operative Housing Federation of Canada (CHF) là đơn vị tư vấn triển khai dự án tại xã Zuôih. Đây là hai dự án được lựa chọn để phân tích trong nghiên cứu này. Tư liệu trình bày trong bài viết được tác giả thu thập trong quá trình đi thực địa vào những năm 2006, 2010, 2011, 2017.

Bài viết này nhìn lại quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS và thảo luận về vai trò của văn hóa như là một nguồn lực trong quá trình xây dựng kế hoạch tái định cư ở thủy điện Sông Bung 4.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch tái định cư, người dân Co-tu bị ảnh hưởng đã được khuyến khích tham gia vào quá trình xây dựng dự án. Khi đọc bản kế hoạch tái định cư người ta có thể thấy dự án được xây dựng bởi những người ‘bên trong’ (những người Co-tu bị ảnh hưởng trực tiếp phải tái định cư) bởi dự án thủy điện Sông Bung 4, nó phản ánh sự lựa chọn của họ về các khu tái định cư, các công trình như điện, đường, trường, trạm, nhà Gươl và cách họ lựa chọn các giống vật nuôi, cây trồng để phục hồi sinh kế.

Dự án đã tổ chức các cuộc họp phổ biến thông tin cho người dân về việc xây dựng thủy điện Sông Bung 4, tổ chức các cuộc họp nhóm nam riêng, nữ riêng để lấy ý kiến của người dân về nguyện vọng tái định cư. Ngoài ra, dự án còn sử dụng bảng hỏi để tiến hành điều tra về kinh tế - xã hội (KT-XH) vào năm 2006 đối với các hộ trong thôn phải tái định cư để thu thập các thông tin liên quan đến đời sống của người dân cũng như xin ý kiến của họ về nguyện vọng, mong muốn của họ khi di chuyển đến khu tái định cư mới.

Trong quá trình thực hiện thu hồi đất, đền bù hỗ trợ tái định cư của dự án thủy điện Sông Bung 4 người dân bị ảnh hưởng trực tiếp bởi dự án được nhận thông tin đầy đủ, kịp thời bằng tiếng Việt sau đó được dịch lại bằng tiếng Co-tu. Những thông tin sau đã được cung cấp cho người dân: (1) Thông tin về quy mô của dự án tái định cư thủy điện Sông Bung 4; (2) Quy mô thu hồi đất và quy trình thu hồi đất, đền bù hỗ trợ tái định cư; (3) Ngày khóa sổ kiểm đếm thiệt hại chi tiết; (4) Quyền lợi đền bù hỗ trợ tái định cư của hộ gia đình và cộng đồng, các nguyên tắc trong thu hồi đất; (5) Cơ chế giải quyết khiếu nại, thắc mắc; (6) Kết quả khảo sát thiệt hại chi tiết, khảo sát giá thay thế, tính toán, đền bù, hỗ trợ tái định cư của các hộ gia đình và cộng đồng, phương án đền bù, hỗ trợ tái định cư của các hộ

gia đình và cộng đồng, phương án đền bù, hỗ trợ tái định cư, chương trình phục hồi thu nhập; (7) Kế hoạch thực hiện chi trả tiền đền bù, hỗ trợ tái định cư, phục hồi thu nhập và giám sát; (8) Trách nhiệm của các đơn vị lập kế hoạch thực hiện giám sát việc thực hiện kế hoạch đền bù, hỗ trợ tái định cư và phục hồi thu nhập; (9) Sự tham gia của các hộ gia đình và cộng đồng vào việc lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch đền bù hỗ trợ tái định cư.

Tất cả những thông tin này đều được niêm yết ở UBND xã, nhà trường thôn, phó thôn, nhà Gươl và những địa điểm mà người dân hay tụ tập để nói chuyện hay uống trà, uống cà phê để họ đọc và thảo luận.

Trong các cuộc thảo luận này, người dân thực sự tham gia vào quá trình thảo luận về việc làm cái gì, làm như thế nào cho chính mình. Với những chuyên gia tư vấn của dự án thì người dân là những người rất am hiểu về nơi họ đang sinh sống.

Trong việc xây dựng kế hoạch phục hồi sinh kế là một phần của kế hoạch tái định cư, các chuyên gia tư vấn về nông nghiệp của dự án đã xây dựng các hoạt động trồng trọt và chăn nuôi dựa trên nhu cầu của người dân. Người dân (nhóm nam riêng, nhóm nữ riêng) được ngồi thảo luận và lựa chọn các loại cây, con mà họ cho là phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng và thói quen trồng trọt, chăn nuôi của gia đình. Với sự tư vấn của các chuyên gia nông nghiệp, họ đã chọn nuôi bò, nuôi gà, nuôi heo là những con vật họ đã được họ chăn nuôi từ lâu đời do đó sẽ ít bị dịch bệnh và rủi ro. Họ được tư vấn nông nghiệp hướng dẫn cụ thể cách thức làm chuồng cho lợn, gà, nuôi lợn nhốt vào chuồng, làm chuồng cho lợn gà để nhốt lại thay vì thả rông theo phương pháp chăn nuôi truyền thống để phòng ngừa dịch bệnh và giữ gìn vệ sinh môi trường. Về trồng trọt, họ chọn trồng đỗ đen truyền thống của người Co-tu vừa dễ trồng, phù hợp với khí hậu, không phải chăm sóc nhiều bán được giá cao. Họ còn chọn trồng cây ngô Lai là cây trồng mới nhưng có năng suất cao, họ hy vọng với sự hỗ trợ về giống và kỹ thuật của các tư vấn nông nghiệp họ sẽ có một mùa màng bội thu đủ lương thực nuôi gia súc và có dư để bán mang lại nguồn thu nhập cho gia đình. Các tư vấn nông nghiệp đã hướng dẫn người dân theo phương thức “vừa học, vừa làm” (Learning by doing) các lớp học tại thực địa phù hợp với khả năng và tập quán trồng trọt, chăn nuôi của người dân. Có thể thấy trong các hoạt động phục hồi sinh kế, người Co-tu bị ảnh hưởng trực tiếp đã được khuyến khích mang tri thức của dân tộc mình vào việc xây dựng và thực hiện các hoạt động phục hồi sinh kế.

Trong quá trình xây dựng kế hoạch tái định cư, văn hóa của người Co-tu đã được phát huy ở mức tối đa, có thể thấy quá trình sản xuất, xây dựng nhà ở, nhà cộng đồng, trường học, làm đường, cầu cống ở thôn bản đều xuất phát từ người dân, lãnh đạo thôn bản, xã, huyện hỗ trợ và tạo điều kiện giúp đỡ thực hiện. Cách làm này đã huy động được nguồn lực văn hóa Co-tu ở trong từng gia đình bị ảnh hưởng bởi Dự án thủy điện Sông Bung 4.

Đây là dự án có mong muốn tạo thành mô hình lập và thực hiện kế hoạch tái định cư mẫu cho các dự án thủy điện khác theo phương thức người dân tham gia vào toàn bộ quá trình lập và thực hiện kế hoạch tái định cư thủy điện với sự hỗ trợ của các tư vấn về tái định cư, DTTS, giới, nông nghiệp, lâm nghiệp trong nước và quốc tế. Người dân được khuyến khích tham gia vào việc lập kế hoạch tái định cư, đưa ra ý kiến của riêng mình về việc chọn khu tái định cư, các hình thức đền bù như là muốn đền bù bằng tiền mặt sau đó tự xây dựng nhà tái định cư làm bằng gỗ theo truyền thống. Các nhà tư vấn lập và thực hiện kế hoạch tái định cư mong muốn người dân mang tri thức địa phương và vốn xã hội ở mức tối đa vào việc xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư.

Khi đọc bản Kế hoạch tái định cư (REMDP) người ta có thể dễ nhận thấy bản kế hoạch này được làm ra bởi những “người bên trong” (người Co-tu ở các thôn tái định cư) với sự hỗ trợ của các tư vấn trong và ngoài nước. Trong các cuộc họp của thôn bản, tư vấn nêu ra vấn đề liên quan tới tái định cư, phục hồi sinh kế để người dân thảo luận, phát biểu ý kiến. Ý kiến của người dân được tư vấn đưa vào biên bản các cuộc họp cộng đồng. Các cuộc phỏng vấn của tôi với người dân cho thấy họ thực sự được tham gia vào việc bàn bạc và quyết định làm cái gì và làm như thế nào cho chính mình. Các nhà tư vấn của dự án đều cho rằng “người dân ở thôn bản là người rất am hiểu về nơi họ đang sống”, do đó họ luôn trân trọng ý kiến của người dân. Khi xây dựng khu tái định cư với các hạng mục công trình như làm cầu cống, đường liên thôn, xã hay nương máng thủy lợi được xây dựng đều có sự giám sát của ban phát triển thôn (Village Development Group), đại diện hộ gia đình bị ảnh hưởng, già làng, phụ nữ. Với hình thức giám sát này, một số công trình có chất lượng tương đối tốt. Tuy nhiên do trình độ kỹ thuật về giám sát xây dựng của người dân, đặc biệt là phụ nữ còn hạn chế nên có công trình có chất lượng không tốt như ruộng lúa nước ở thôn 2 tái định cư “lúc công trình đang thi công thì có nước, lúc công ty xây dựng rút đi, mưa lũ về vỡ hết ống nhựa dẫn nước nên bây giờ thành ruộng khô đê

trồng Keo Lai” (PV Nam giới 45 tuổi).

Có thể thấy dự án tái định cư này có một đặc điểm là: *Một là*, được đề xuất từ chính người dân Co-tu bị ảnh hưởng bởi dự án. *Hai là*, người dân bị ảnh hưởng tham gia giám sát các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng ở trong xã. *Ba là*, chính quyền địa phương hỗ trợ tạo điều kiện giúp đỡ thực hiện dự án.

*** Quan điểm nhân học trong lập và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển dân tộc thiểu số**

Ở dự án này tư vấn đã có cách tiếp cận phù hợp với văn hóa của người Co-tu được khai thác một cách tối đa nhờ có sự tham gia của tất cả các bên liên quan đó là người dân bị ảnh hưởng, già làng, trưởng bản tạo điều kiện và sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, tư vấn của dự án ở tất cả các giai đoạn từ lập kế hoạch và triển khai thực hiện kế hoạch tái định cư.

Năm 2006, khi dự án thủy điện Sông Bung 4 bắt đầu đi vào giai đoạn tiền khả thi thì việc phổ biến thông tin về dự án đến người dân là rất quan trọng. Tuy nhiên, việc tiếp nhận thông tin về những khía cạnh mà dự án sẽ hỗ trợ người dân lại phụ thuộc trước hết vào trình độ tiếp nhận của cán bộ địa phương và cộng đồng. Về phía người dân, có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc tiếp cận thông tin về các chủ trương, chính sách của Nhà nước, các chương trình phát triển kinh tế xã hội nói chung và chương trình dự án quốc tế nói riêng (Bùi Xuân Đỉnh, Trần Minh Hằng, 2019, tr.66).

Thứ nhất, do tỷ lệ biết chữ ở người dân không cao nên họ không thường xuyên đọc và hiểu được nội dung của văn bản dự án. Hạn chế này được khắc phục trong các cuộc họp phổ biến thông tin tới bà con. Các thông tin của dự án thường xuyên được các chuyên gia tư vấn của CHF có sự hỗ trợ từ cán bộ phòng Nông nghiệp, phòng môi trường, hội phụ nữ... huyện Nam Giang đi cùng phổ biến thông qua các cuộc họp thôn. Một số hộ gia đình đi làm rẫy tối mới về, cán bộ dự án đã đi cùng trưởng thôn đến từng nhà để mời bà con tham dự cuộc họp để nắm bắt các thông tin quan trọng của dự án thủy điện Sông Bung 4 có ảnh hưởng tới đời sống của họ. Trong quá trình họp thôn để phổ biến thông tin về đền bù và tái định cư của thủy điện Sông Bung 4, tư vấn sử dụng tiếng Việt, cán bộ phát triển cộng đồng (CF) sẽ dịch lại sang tiếng Co-tu cho bà con. Bà con thảo luận vấn đề bằng tiếng Co-tu, sau đó trưởng thôn và già làng sẽ trình bày kết quả thảo luận bằng tiếng Việt. Sự chuyên ngữ trong quá trình trao đổi và tiếp nhận thông tin như vậy phần nào có ảnh hưởng tới sự nhận biết đầy đủ thông tin liên

quan đến quyền lợi của người dân và hỗ trợ đối với người dân.

Mục đích tái định cư cũng như nhu cầu phục hồi sinh kế của người Cơ-tu khác với cách nghĩ của người ngoài. Cách họ nhìn nhận về vấn đề tái định cư và phục hồi sinh kế thường gắn chặt với văn hóa Cơ-tu của họ do đó quan điểm của họ về các vấn đề liên quan đến tái định cư và phục hồi sinh kế không thể tách rời hệ thống giá trị của người Cơ-tu. Để thực hiện sự đa dạng về quan điểm của người dân tái định cư dự án Tái định cư thủy điện Sông Bung 4 đã hỗ trợ người dân để họ tham gia vào quá trình lập, thực hiện kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế. Trong các cuộc họp ở thôn với sự hỗ trợ của tư vấn và cán bộ phát triển cộng đồng, họ đã được thảo luận các vấn đề liên quan tới tái định cư như “khi di chuyển đến nơi tái định cư mới họ có cần di chuyển mồ mả của cha ông đi theo không” hay “trước khi di chuyển mồ mả của cha, ông, họ có cần làm lễ không”, sau một lúc thảo luận của các thành viên, họ đã có câu trả lời như sau “nếu không di chuyển mồ mả của cha ông đi theo để lại bị ngập nước buồn lắm nên chúng tôi muốn di chuyển mồ mả theo và chúng tôi cần làm lễ trước và sau khi di chuyển mồ mả theo nghi lễ truyền thống của người Cơ-tu” (Kết quả thảo luận nhóm 2006).

Hoặc các vấn đề liên quan đến nhà ở của người dân tái định cư như “người dân muốn nhà tái định cư của mình được xây bằng gỗ theo kiểu nhà truyền thống hay xây bằng gạch” hay “họ muốn nhận tiền đền bù sau đó tự xây dựng nhà theo ý của mình hay muốn nhờ dự án xây hộ sau đó người dân chỉ việc chuyển vào ở”, sau một hồi thảo luận bằng tiếng Cơ-tu, nhóm thảo luận đưa ra quyết định là “chúng tôi muốn nhận tiền đền bù sau đó tự xây dựng nhà của mình theo kiểu nhà gỗ truyền thống” (Kết quả thảo luận nhóm 2006).

Những ý kiến này đã được ghi vào biên bản cuộc họp và đưa vào Kế hoạch Tái định cư và sau đó được áp dụng thực hiện

Ở đây chúng ta có thể thấy người dân được tham gia đầy đủ vào quá trình lập và thực hiện kế hoạch tái định cư của mình, gia đình mình và cộng đồng của mình. Họ đã được tự quyết các vấn đề liên quan trực tiếp đến đời sống của mình là tái định cư và phục hồi sinh kế thông qua các cuộc thảo luận ở cộng đồng, nhóm nam riêng, nhóm nữ riêng để đảm bảo phụ nữ cũng được phát biểu ý kiến của mình mà không phải chịu sức ép từ phía nam giới và ý kiến của họ cũng được tôn trọng, lắng nghe như ý kiến của nam giới và ghi vào biên bản ghi nhớ của cuộc họp nhóm với tư vấn. Cách làm này đã đảm

bảo được rằng kế hoạch tái định cư và phục hồi sinh kế ở thủy điện Sông Bung 4 gắn với nhu cầu thực tế của người dân ở địa phương và cho phép họ tự xây dựng kế hoạch và phương hướng tái định cư và phục hồi sinh kế

Thứ hai, người dân có thể tiếp cận thông tin về các chương trình dự án thông qua già làng, hàng xóm, những người cùng dòng họ hoặc những người cùng nhóm sở thích như nhóm đi săn. Các chuyên gia tư vấn thường xuống thôn ở nhờ nhà già làng, trưởng bản và thực hiện ba cùng với người dân là cùng ăn, cùng ở và cùng làm việc trên thực địa với người dân do đó họ có mối quan hệ tương đối thân thiết với người dân ở cộng đồng. Các chuyên gia tư vấn thường xuyên nói chuyện với người dân những thông tin liên quan đến dự án thông qua những bữa ăn tối, uống rượu hay buổi cà phê buổi sáng trong thời gian ở nhờ tại những gia đình ở trong thôn bản. Chủ những gia đình mà tư vấn ở nhờ thường là những người được người dân tin tưởng, họ thường đến hỏi những vấn đề thắc mắc trong cuộc sống cũng như những thông tin liên quan tới dự án mà họ còn băn khoăn để được giải đáp. Do đó nếu họ ngại gặp tư vấn của dự án để hỏi họ có thể nhận được thông tin chính xác từ những người này. Trong thời gian ở lại thôn các tư vấn của dự án còn tham gia đầy đủ các nghi lễ ma chay, cưới xin, làm nhà mới hoặc tham gia ngày hội đoàn kết thôn do đó họ có sự gắn kết tương đối tốt với người dân, người dân coi họ như một thành viên trong cộng đồng, có thể hỏi những băn khoăn, thắc mắc của bản thân và gia đình liên quan đến dự án trong những dịp này.

Mặc dù trong thôn bản có nhiều người dân không thạo tiếng Việt và không biết chữ nhưng với cách phổ biến thông tin dự án như trên có thể giúp người dân nắm được thông tin về dự án đầy đủ và chính xác.

Việc các tư vấn ở dưới cộng đồng cùng ăn, cùng ở và cùng làm việc với người dân giúp họ có trải nghiệm thực tế tại địa bàn của thủy điện Sông Bung 4 và hiểu được văn hóa của người Cơ-tu bị ảnh hưởng bởi thủy điện từ bên trong của cộng đồng thay vì có cái nhìn áp đặt từ bên ngoài.

Thứ ba, trong các cuộc họp với người dân để phổ biến kiến thức về dự án cho người dân trong các cuộc họp ở nhà Gươl, các tư vấn lập kế hoạch tái định cư đã khuyến khích người dân đưa ra những quan điểm của mình liên quan đến tái định cư như cách thức chọn đất lập làng mới, những kiêng kỵ liên quan đến việc chọn đất lập làng mới. Tất cả ý kiến của họ đều được đưa vào biên bản cuộc họp và đưa vào trong kế hoạch tái định cư và phát triển

DTTS và sau này được áp dụng vào thực tế ở thủy điện Sông Bung 4. Có thể nói rằng các tư vấn của dự án đã có quan điểm hướng đến cộng đồng người Co-tu phải tái định cư, tri thức và thông tin của người Co-tu về phong tục tập quán truyền thống liên quan đến tái định cư đã được đưa vào kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS.

Trong suốt quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS, các tư vấn luôn lắng nghe, thấu hiểu, người dân luôn được khuyến khích phát biểu, ý kiến của họ luôn được tôn trọng. Quan điểm của các tư vấn khi làm việc cùng với người dân là cùng nhau hợp tác, chia sẻ, thấu hiểu, làm việc cho cộng đồng và vì cộng đồng người Co-tu tái định cư ở thủy điện Sông Bung 4.

5. Thảo luận

Có ba nguyên tắc quan trọng cần nắm vững và vận dụng quan điểm nhân học vào các dự án, chương trình phát triển đó là; (1) đa dạng quan điểm phát triển; (2) tiếp cận và tham gia vào quá trình phát triển; (3) Khai thác và sử dụng các nguồn lực văn hóa vào phát triển (Nguyễn Văn Chính, 2021, tr.12)

Thứ nhất, trong dự án tái định cư này quan điểm về mục tiêu tái định cư của người Co-tu bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Sông Bung 4 không giống như cách nghĩ của người ở bên ngoài cộng đồng. Ở đây cách nhìn nhận và tư duy của họ về tái định cư gắn chặt với văn hóa Co-tu của họ, đó là văn hóa di chuyển làng đến nơi ở mới do đó quan điểm của họ về tái định cư không thể tách rời với hệ thống giá trị truyền thống của họ về cách thức tái định cư cũng như các nghi lễ truyền thống có liên quan. Do đó, ở dự án tái định cư thủy điện Sông Bung 4 quan điểm của người Co-tu đã được đa dạng hóa thông qua mô hình người dân tham gia vào quá trình lập kế hoạch tái định cư. Ở dự án này họ được quyền tự quyết các vấn đề gắn bó mật thiết với tái định cư thông qua các cuộc thảo luận ở nhà Gươl. Cách làm này có ưu điểm là đảm bảo được kế hoạch tái định cư gắn với nhu cầu thực tế ở địa phương và tự cho phép họ xác định phương hướng, kế hoạch và cách thức tái định cư để cùng với tổ chức tài trợ và Nhà nước giải quyết vấn đề của họ.

Thứ hai, nguyên tắc tiếp cận và tham gia vào quá trình xây dựng kế hoạch tái định cư làm cho người dân ở các cộng đồng được chủ động tham gia vào việc tìm kiếm các khu tái định cư, xác định được các nguồn lực ở những khu tái định cư, sử dụng cách nghĩ, niềm tin của người Co-tu để cùng lập kế hoạch với các tư vấn tái định cư và cùng nhau thực hiện. Cách làm này đã giúp cho kế hoạch tái định cư khai thác được vốn xã hội của người Co-tu

bao gồm mạng lưới xã hội, hệ giá trị, các kiêng kỵ trong cộng đồng khi di chuyển đến làng mới, mặt khác đảm bảo quyền tiếp cận và tham gia của người Co-tu bị ảnh hưởng trong mọi khâu của quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư. Tiếp cận và tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư trở nên hiệu quả hơn khi người dân tham gia đầy đủ vào các cuộc họp thôn, được thảo luận và đưa ra ý kiến của cá nhân mình và như thế họ đã tham gia đầy đủ vào quá trình ra quyết định các vấn đề liên quan đến tái định cư của cá nhân, hộ gia đình và của cộng đồng.

Thứ ba, kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS ở thủy điện Sông Bung 4 đã tận dụng được nguồn lực văn hóa của người Co-tu bị ảnh hưởng bao gồm tri thức của người dân, già làng và trưởng bản về các vấn đề liên quan đến tái định cư. Kinh nghiệm về việc di chuyển đến khu tái định cư mới, sự tương tác giữa họ với hệ sinh thái ở nơi tái định cư mới, những thuận lợi và khó khăn mà họ có thể phải đối mặt. Già làng và trưởng bản luôn được các tư vấn đến tận nhà mời tham gia họp vì họ đóng vai trò quan trọng trong các cuộc họp của tư vấn vì họ là những người được người dân tin tưởng và nghe theo giúp cho các ý kiến trong các cuộc họp đạt được sự đồng thuận cao.

6. Kết luận

Có thể nói vốn văn hóa của người Co-tu trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS ở thủy điện Sông Bung 4 đã được phát huy mạnh mẽ và dự án đã đạt được những hiệu quả nhất định. Đó là nhờ chương trình đã được thực hiện thông qua bộ máy chính quyền địa phương, đội ngũ chuyên gia tư vấn làm công tác tái định cư chuyên nghiệp và có tinh thần vì sự nghiệp phát triển cộng đồng với sự tham gia đầy đủ của già làng, trưởng bản, đại diện các hộ gia đình bị ảnh hưởng bởi dự án thủy điện Sông Bung 4 và trong các cuộc họp và nguồn lực văn hóa của người Co-tu đã được vận dụng tối đa vào quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch tái định cư và phát triển DTTS của thủy điện Sông Bung 4.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa như hiện nay, kinh tế và văn hóa có thể được xem như hai nguồn lực lớn nhất quyết định sự phát triển của xã hội (Phạm Thu Hà, 2021). Có thể nói, mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa đã và đang trở thành mối quan tâm của nhân loại, đó là cách thức mà con người hay các dân tộc lựa chọn để tìm kiếm phương thức mưu sinh cho mình dựa trên những kinh nghiệm văn hóa truyền thống. Văn hóa là nền tảng, là thông tin cơ bản để mỗi dân tộc lựa chọn cung cách đi ra khỏi quá khứ và hướng về tương lai (Nguyễn Trần Bạt, 2000).

Tài liệu tham khảo

- ADB, & SWECO International. (2006). *Resttlement and Ethnic Minority development Plan*.
- Arhem, N. (2009). *In the Sacred Forest: Landscape, Livelihood and Spirit Beliefs among the Katu of Vietnam*. Sweden: Intellcta Docusys.
- Bạt, N. T. (2000). Văn hóa và Phát triển. *Tạp chí Thông tin Lý luận*, số 9.
- Chính, N. V. (2021). Nguồn lực văn hóa và phát triển cộng đồng nhìn từ quan điểm nhân học. *Tạp chí Dân tộc học*, số 5/2021, tr.3-15.
- Đặng Minh Ngọc. (2018). Sinh kế của người Cơ-tu ở khu tái định cư thủy điện Sông Bung 4” (Nghiên cứu ở Thôn 2, xã Tà Pơ, huyện Nam Giang tỉnh Quảng Nam). *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr.76-84.
- Đức, T. (2002). *Tìm hiểu văn hóa Katu*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa
- Hùng, L. (2006). *Góp phần tìm hiểu văn hóa Cơ-tu*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
- Mạnh, N. V., Hồng, N. X., & Thông, N. H. (2001). *Luật tục của người Tà Ôi, Cơ-tu, Bru- Vân Kiều ở Quảng Trị*. Thừa Thiên Huế: Nxb. Thuận Hóa.
- Ngọc, Đ. M. (2019). Sự thay đổi vai trò trong gia đình và cộng đồng của phụ nữ Cơ-tu ở vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4, huyện Nam Giang tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí Dân tộc học*, số 6, tr.52-59.
- Ngọc, Đ. M. (2022). Văn hóa tộc người Cơ-tu với đảm bảo sinh kế sau tái định cư thủy điện Sông Bung 4, huyện Nam Giang tỉnh Quảng Nam. *Phát triển bền vững vùng*, 12(3), tr.118-124.
- Normal Tilos. (2016). *Implementation and Monitoring of Song Bung 4 hydro-power project. Resettlement and Ethnic minority development plan*.
- Ủy ban nhân dân huyện Nam Giang. (2017). *Báo cáo tình hình đời sống - sản xuất của người dân trong vùng tái định cư thủy điện Sông Bung 4*.
- Ủy ban nhân dân xã Zuôi. (2017). *Báo cáo tình hình đời sống - sản xuất của xã Zuôi*

VAI TRÒ CỦA VĂN HÓA TRONG VIỆC LẬP VÀ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH TÁI ĐỊNH CƯ VÀ PHÁT TRIỂN DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở THỦY ĐIỆN SÔNG BUNG 4

Đặng Minh Ngọc

Viện Dân tộc học

Email: dmngoc@gmail.com

Nhận bài: 04/10/2023; Phản biện: 19/10/2023; Tác giả sửa: 23/10/2023; Duyệt đăng: 03/11/2023; Phát hành: 20/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.54163/ncdt/233>

Đối với các dự án tái định cư thủy điện, một câu hỏi luôn được các nhà hoạch định chính sách quan tâm là làm thế nào để người dân có được cuộc sống bằng hoặc hơn nơi ở cũ. Làm thế nào để có thể biến nguồn lực văn hóa thành động lực phát triển cho các dự án tái định cư. Làm thế nào để đưa văn hóa của người dân bị ảnh hưởng vào quá trình lập và thực hiện kế hoạch tái định cư để giúp họ trở thành chủ thể trong các hoạt động lập và thực hiện dự án tái định cư thủy điện cũng như kế hoạch phục hồi sinh kế thay vì chỉ dựa vào nguồn lực vật chất hay áp đặt ý chí từ bên ngoài cộng đồng.

Từ khóa: Vai trò của văn hóa; Kế hoạch tái định cư; Phát triển dân tộc thiểu số; Thủy điện Sông Bung 4.